

ĐÀO TẠO GIẢNG VIÊN TRẺ TẠI CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM – MỘT GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG DẠY HỌC

ĐOÀN VĂN ĐIỀU*

TÓM TẮT

Bài báo trình bày vấn đề đào tạo giảng viên trẻ - một giải pháp nâng cao chất lượng đại học. Về thực trạng yêu cầu của sinh viên (SV) đối với những phẩm chất của giảng viên, kết quả khảo sát cho thấy SV đánh giá cao những phẩm chất mang tính nghề nghiệp, những kỹ năng hỗ trợ giảng dạy và thái độ đúng của giảng viên đối với bản thân, người khác và nghề nghiệp. Bên cạnh đó, bài viết cũng đưa ra một số giải pháp nhằm giúp chương trình đào tạo giảng viên trẻ ngày càng hiệu quả hơn.

Từ khóa: đào tạo giảng viên trẻ, chất lượng đại học, thái độ, kỹ năng hỗ trợ.

ABSTRACT

Training novice lecturers at universities of education – A solution to improving teaching quality

The article is about training novice lecturers – a solution to improving higher education quality. Results of the survey about students' demands of lecturers' quality show that students highly appreciate professional qualities, teaching supporting skills and lecturers' attitudes towards themselves, others and their job. Besides, the article also suggests some solutions to improving the efficiency of novice lecturers training.

Keywords: training novice lecturers; university quality; attitudes; supporting skills.

1. Đặt vấn đề

Khi đề cập chất lượng đào tạo nói chung, chất lượng đào tạo đại học nói riêng là chúng ta nói đến nhiều yếu tố liên quan, như: người dạy, người học, mục tiêu giảng dạy, nội dung giảng dạy, phương pháp, cách đánh giá, các phương tiện và cơ sở vật chất. Trong bài viết này, chúng tôi đề cập việc đào tạo giảng viên trẻ ở các trường đại học để nâng cao chất lượng đào tạo.

Hiện nay, việc nâng cao chất lượng đào tạo ở các cấp học được sự quan tâm của toàn xã hội. Khi nói đến chất lượng đào tạo, chúng ta nói đến kết quả đào tạo

của nền giáo dục được thể hiện qua các mục tiêu đào tạo. Những mục tiêu này thay đổi theo sự phát triển của xã hội và ngày càng cao hơn. Để đáp ứng những yêu cầu này, giáo viên nói chung và giảng viên đại học nói riêng cần có những phẩm chất tâm lý nhất định. Từ trước đến nay có nhiều quan điểm về phẩm chất tâm lý của người thầy. Sau đây là một số quan điểm:

Theo Lê Văn Hồng và cộng sự, giáo viên cần có những phẩm chất sau:

- Thế giới quan khoa học;
- Lí tưởng đào tạo thế hệ trẻ;
- Lòng yêu trẻ;

* PGS TS, Trường Đại học Sư phạm TPHCM; Email: doanvandieu@hcmup.edu.vn

- Lòng yêu nghề (yêu lao động sư phạm);

- Nét tính cách và phẩm chất ý chí của người thầy giáo;

- Năng lực dạy học (năng lực hiểu biết người học trong quá trình dạy học và giáo dục, tri thức và tầm hiểu biết rộng, chế biến tài liệu học tập, nắm vững kỹ thuật dạy học, ngôn ngữ);

- Năng lực giáo dục (năng lực vạch phương hướng phát triển nhân cách của người học, giao tiếp sư phạm, cảm hóa người học, đối xử khéo léo sư phạm);

- Năng lực tổ chức hoạt động sư phạm. [1]

2. Thể thức và phương pháp nghiên cứu

Trong bài viết này, chúng tôi khảo sát SV năm cuối của Trường ĐHSPTPHCM, vì theo giả định “những SV này có thời gian học tập tương đối lâu” trong Trường, học hỏi tiếp thu được nhiều tri thức, kỹ năng và kinh nghiệm về nghề dạy học.

2.1. Dụng cụ nghiên cứu

Dụng cụ nghiên cứu là một thang đo có 53 câu, gồm những nhóm phẩm chất và năng lực của người giáo viên với những đặc điểm sau:

- Mang tính chuyên môn sâu, tính nghề nghiệp, có đạo đức, thái độ chừng mực đối với bản thân, người khác, nghề nghiệp và những phẩm chất mang tính hỗ trợ giảng dạy;

- Cần cho giảng dạy, như: kỹ năng

quan sát, phân tích, thông thạo những quá trình cơ bản; có tay nghề thông qua đào tạo; có thái độ chừng mực đối với người học, đối với bản thân;

- Mang tính tổng quát, như: biết sống và làm việc với người khác; tính tự giác; xác định được giá trị xã hội; làm việc để phục vụ đất nước;

- Ít liên quan trực tiếp đến nghề dạy học và mang tính cá nhân.

Thang đo được soạn thảo qua 2 giai đoạn:

- Giai đoạn thăm dò thử: Được thực hiện trên 116 SV để tìm hiểu những đặc điểm nghề dạy học mà các SV đã biết. Sau khi tổng hợp các câu trả lời và bổ sung từ những tài liệu liên quan, bảng thăm dò chính thức được hình thành.

Mỗi câu hỏi về mức độ cần thiết được chia thành 5 mức: Rất cần - điểm 5; Cần - điểm 4; Lưỡng lự - điểm 3; Không cần - điểm 2 và Hoàn toàn không cần - điểm 1. Trong mỗi câu hỏi, khi xử lý được tính điểm trung bình cộng (TB) và độ lệch tiêu chuẩn (ĐLTC) của tất cả SV cho điểm.

- Giai đoạn thu thập dữ liệu: Số liệu được thu thập trên 299 SV gồm các ngành tự nhiên, xã hội, ngoại ngữ và ngành khác. So với tổng số SV chính quy khoảng 1200 SV năm cuối, thì đây là mẫu mang tính đại diện.

- Hệ số tin cậy của thang đo là: (Cronbach's Alpha) 0,904

Bảng 1. Độ phân cách của các câu trong thang đo

Câu	ĐPC	Câu	ĐPC	Câu	ĐPC	Câu	ĐPC	Câu	ĐPC
1	0,205	12	0,215	23	0,237	34	0,134	44	0,073
2	0,209	13	0,111	24	0,171	35	0,265	45	0,206
3	0,093	14	0,104	25	0,293	36	0,029	46	0,100
4	0,119	15	0,111	26	0,264	37	0,053	47	0,138
5	0,086	16	0,179	27	0,299	38	0,209	48	0,195
6	0,189	17	0,190	28	0,227	39	0,111	49	0,151
7	0,139	18	0,266	29	0,262	40	0,154	50	0,196
8	0,211	19	0,187	30	0,193	41	0,062	51	0,121
9	0,186	20	0,103	31	0,253	42	0,138	52	0,151
10	0,091	21	0,197	32	0,286	43	0,119	53	0,181
11	0,138	22	0,183	33	0,281				

Bảng 1 cho thấy độ phân cách của các câu đều ở mức trung bình trở xuống nên việc đánh giá giữa các SV về những phẩm chất dạy học của giáo viên không có sự khác biệt.

2.2. Mẫu nghiên cứu

Mẫu chọn và các tham số nghiên cứu liên quan được trình bày dưới đây:

Tổng cộng: 299

Giới tính	N	%
Không trả lời	3	1,00
Nam	81	27,1
Nữ	215	71,9

Năm thứ	N	%
Không trả lời	2	0,70
Năm 4	258	86,30
Năm 5	39	13,0

Hộ khẩu	N	%
Không trả lời	6	2,0
Thành phố	248	82,9
Tỉnh	45	15,1

Ngành học	N	%
Không trả lời	6	2,0
Tự nhiên	113	37,8
Xã hội	77	25,8
Ngoại ngữ	77	25,8
Khác	26	8,7

3. Kết quả nghiên cứu

Khảo sát thực tế về yêu cầu của SV đối với những phẩm chất của giảng viên, kết quả thu được như bảng 2 sau đây:

Bảng 2. Đánh giá của SV Trường ĐHSPTPHCM về mức độ cần thiết của các phẩm chất nghề dạy học

Phẩm chất nghề dạy học	TB	ĐLTC	Thứ bậc
Người trong nghề dạy học là người cần có những kỹ năng giảng dạy	4,66	0,83	1
Người trong nghề dạy học là người có thái độ trân trọng đối với đồng nghiệp và phụ huynh học sinh	4,60	0,81	2
Người trong nghề dạy học là người có thái độ nghiêm túc đối với nội dung môn học	4,60	0,72	3
Người trong nghề dạy học là người có uy tín	4,54	0,87	4
Người trong nghề dạy học là người có tri thức sâu sắc về bộ môn đang được giảng dạy	4,52	0,86	5
Người trong nghề dạy học là người cần có kỹ năng giáo dục	4,51	0,88	6
Người trong nghề dạy học là người cần có kỹ năng giao tiếp	4,49	0,86	7
Người trong nghề dạy học là người được trau dồi văn hóa	4,48	0,79	8
Người trong nghề dạy học là người được cộng đồng tin nhiệm cao và sự tin tưởng vào từng giáo viên	4,47	0,80	9
Người trong nghề dạy học là người được giáo dục tính cách, luân lý và đạo đức	4,46	0,91	10
Người trong nghề dạy học là người cần có kỹ năng lập kế hoạch/ tổ chức	4,41	0,84	11
Người trong nghề dạy học là người cần có kỹ năng thuyết phục	4,40	0,97	12
Người trong nghề dạy học là người có hướng phục vụ cộng đồng	4,39	0,88	13
Người trong nghề dạy học là người cần có kỹ năng quan sát	4,36	0,91	14
Người trong nghề dạy học là người được huấn luyện chuyên môn trong thời gian lâu dài	4,35	0,92	15
Người trong nghề dạy học là người có thái độ chừng mực đối với người học	4,32	0,99	16
Người trong nghề dạy học là người có thái độ đúng đắn đối với bản thân	4,31	0,97	17
Người trong nghề dạy học là người chấp nhận trách nhiệm đối với những hành động được thực hiện có liên quan đến những công việc được giao	4,30	0,85	18
Người trong nghề dạy học là người thông thạo những kỹ năng	4,29	0,99	19

hoặc những quá trình căn bản			
Người trong nghề dạy học là người có khối lượng tri thức và năng lực cao hơn những người không chuyên môn	4,28	0,96	20
Người trong nghề dạy học là người cần có kỹ năng phân tích	4,25	0,94	21
Người trong nghề dạy học là người được giáo dục nghề nghiệp hoặc hướng nghiệp	4,21	0,97	22
Người trong nghề dạy học là người được giáo dục hình thành các mối quan hệ liên nhân cách	4,19	1,03	23
Người trong nghề dạy học là người được giáo dục tính tự giác	4,18	1,03	24
Người trong nghề dạy học là người cần có kỹ năng quan hệ với người khác	4,17	1,01	25
Người trong nghề dạy học là người có những quy định về đạo đức giúp làm rõ những vấn đề chưa rõ ràng hoặc những điểm còn nghi ngờ có liên quan đến công việc được giao	4,13	0,96	26
Người trong nghề dạy học là người được giáo dục tinh thần công dân	4,11	1,07	27
Người trong nghề dạy học là người chấp nhận trách nhiệm đối với việc đánh giá	4,08	0,97	28
Người trong nghề dạy học là người đáp ứng được những tiêu chuẩn bằng cấp hoặc những yêu cầu tuyển dụng	4,01	0,96	29
Người trong nghề dạy học là người đặt trọng tâm vào công việc được giao	4,00	1,18	30
Người trong nghề dạy học là người được giáo dục tính sáng tạo và sự nhận thức thẩm mỹ	3,98	0,98	31
Người trong nghề dạy học là người cần phải quen thuộc với tri thức lí thuyết	3,92	0,99	32
Người trong nghề dạy học là người có trí tuệ phát triển	3,91	1,05	33
Người trong nghề dạy học là người được giáo dục sức khỏe thể chất và cảm xúc	3,84	1,05	34
Người trong nghề dạy học là người có tri thức sâu sắc về nội dung cấu trúc lẫn môn học liên ngành	3,83	1,00	35
Người trong nghề dạy học là người cần có kỹ năng lãnh đạo	3,82	1,16	36
Người trong nghề dạy học là người chấp nhận công việc và người học	3,74	1,34	37
Người trong nghề dạy học là người áp dụng nghiên cứu và lí thuyết vào thực tiễn (để giải quyết những vấn đề về con người)	3,73	1,05	38
Người trong nghề dạy học là người cần có kỹ năng làm việc chân tay và trí óc	3,71	1,12	39
Người trong nghề dạy học là người cần có kỹ năng hoạt động theo trực giác đổi mới	3,69	1,15	40

Người trong nghề dạy học là người có ý thức về bản ngã	3,69	1,18	41
Người trong nghề dạy học là người chấp nhận gấn bó suốt đời với nghề nghiệp	3,62	1,17	42
Người trong nghề dạy học là người nghiên cứu về học tập và hành vi của con người	3,61	1,08	43
Người trong nghề dạy học là người tự giác quyết định trong môi trường làm việc cụ thể	3,57	1,13	44
Người trong nghề dạy học là người cần có kĩ năng số học/ tính toán	3,56	1,11	45
Người trong nghề dạy học là người làm việc trong một tổ chức tự điều hành gồm những thành viên cùng nghề nghiệp	3,52	1,15	46
Người trong nghề dạy học là người cần có kĩ năng mang tính nghệ thuật	3,49	1,18	47
Người trong nghề dạy học là người phải đưa ra nhiều quyết định	3,45	1,25	48
Người trong nghề dạy học là người có ý thức tự công nhận	3,41	1,18	49
Người trong nghề dạy học là người có hội đoàn chuyên môn hoặc những các nhóm giỏi công nhận những thành công của cá nhân	3,38	1,23	50
Người trong nghề dạy học là người chấp nhận một tập hợp tiêu chuẩn của hoạt động	3,31	1,21	51
Người trong nghề dạy học là người tương đối tự do trong công việc giám sát chi tiết	3,07	1,08	52
Người trong nghề dạy học là người nhờ vào các nhà quản lí để đẩy nhanh công việc nghề nghiệp	2,54	1,21	53

Các mức đánh giá theo tỉ lệ bách phân của tổng điểm các câu trong thang đo:

Điểm trung bình	Tỷ lệ bách phân	Mức đánh giá
< 3,67	Dưới 20%	Không cần thiết
3,68 đến 3,96	Từ 21% đến 40%	Ít cần thiết
3,97 đến 4,20	Từ 41% đến 60%	Trung bình
4,21 đến 4,37	Từ 61% đến 80%	Cần thiết
> 4,38	> 80%	Rất cần thiết

Bảng 2 cho thấy tự đánh giá mức độ cần thiết về các phẩm chất nghề dạy học của SV Trường ĐHSP TPHCM như sau:

- Những phẩm chất nghề dạy học được SV đánh giá mức độ rất cần thiết:

Người trong nghề dạy học là người: cần có những kĩ năng giảng dạy; có thái độ trân trọng đối với đồng nghiệp và phụ huynh học sinh; có thái độ nghiêm túc đối với nội dung môn học; có uy tín; có tri thức sâu sắc về bộ môn đang được

giảng dạy; cần có kỹ năng giáo dục; cần có kỹ năng giao tiếp; được trau dồi văn hóa; được cộng đồng tin nhiệm cao và sự tin tưởng vào từng giáo viên; được giáo dục tính cách, luân lý và đạo đức; cần có kỹ năng lập kế hoạch/tổ chức; cần có kỹ năng thuyết phục và có hướng phục vụ cộng đồng.

Nói cách khác, những phẩm chất nghề dạy học mang tính chuyên môn sâu, mang tính nghề nghiệp, có đạo đức, thái độ chừng mực đối với bản thân, người khác, nghề nghiệp và những phẩm chất mang tính hỗ trợ giảng dạy được SV đánh giá rất cần thiết.

- *Những phẩm chất nghề dạy học được SV đánh giá mức độ cần thiết:* Người trong nghề dạy học là người: cần có kỹ năng quan sát; được huấn luyện chuyên môn trong thời gian lâu dài; có thái độ chừng mực đối với người học; có thái độ đúng đắn đối với bản thân; chấp nhận trách nhiệm đối với những hành động được thực hiện có liên quan đến những công việc được giao; thông thạo những kỹ năng hoặc những quá trình căn bản; có khối lượng tri thức và năng lực cao hơn những người không chuyên môn; cần có kỹ năng phân tích và được giáo dục nghề nghiệp hoặc hướng nghiệp.

Nói cách khác, những phẩm chất nghề dạy học cần cho giảng dạy như kỹ năng quan sát, phân tích, thông thạo những quá trình cơ bản; có tay nghề thông qua đào tạo; có thái độ chừng mực đối với người học, đối với bản thân được SV đánh giá cần thiết.

- *Những phẩm chất nghề dạy học được SV đánh giá mức độ trung bình:*

Người trong nghề dạy học là người: được giáo dục hình thành các mối quan hệ liên nhân cách; được giáo dục tính tự giác; cần có kỹ năng quan hệ với người khác; có những quy định về đạo đức giúp làm rõ những vấn đề chưa rõ ràng hoặc những điểm còn nghi ngờ có liên quan đến công việc được giao; được giáo dục tinh thần công dân; chấp nhận trách nhiệm đối với việc đánh giá; đáp ứng được những tiêu chuẩn bằng cấp hoặc những yêu cầu tuyển dụng; đặt trọng tâm vào công việc được giao và được giáo dục tính sáng tạo và sự nhận thức thâm mĩ.

Nói cách khác, những phẩm chất nghề dạy học mang tính tổng quát như: biết sống và làm việc với người khác; tính tự giác; xác định được giá trị xã hội; làm việc để phục vụ đất nước được SV đánh giá ở mức trung bình.

- *Những phẩm chất nghề dạy học được SV đánh giá mức độ ít cần thiết:* Người trong nghề dạy học là người: cần phải quen thuộc với tri thức lý thuyết; có trí tuệ phát triển; được giáo dục sức khỏe thể chất và cảm xúc; có tri thức sâu sắc về nội dung cấu trúc lẫn môn học liên ngành; cần có kỹ năng lãnh đạo; chấp nhận công việc và người học; áp dụng nghiên cứu và lý thuyết vào thực tiễn (để giải quyết những vấn đề về con người); cần có kỹ năng làm việc chân tay và trí óc; cần có kỹ năng hoạt động theo trực giác đổi mới và có ý thức về bản ngã.

Nói cách khác, những phẩm chất ít liên quan trực tiếp đến nghề dạy học được SV đánh giá ở mức ít cần thiết.

- *Những phẩm chất nghề dạy học được SV đánh giá mức độ không cần*

thiết: Người trong nghề dạy học là người: chấp nhận gắn bó suốt đời với nghề nghiệp; nghiên cứu về học tập và hành vi của con người; tự giác quyết định trong môi trường làm việc cụ thể; cần có kỹ năng số học/tính toán; làm việc trong một tổ chức tự điều hành gồm những thành viên cùng nghề nghiệp; cần có kỹ năng mang tính nghệ thuật; phải đưa ra nhiều quyết định; có ý thức tự công nhận; có hội đoàn chuyên môn hoặc những nhóm giỏi công nhận những thành công của cá nhân; chấp nhận một tập hợp tiêu chuẩn của hoạt động; tương đối tự do trong công việc giám sát chi tiết và nhờ vào các nhà quản lý để đẩy nhanh công việc nghề nghiệp.

Nói cách khác, những phẩm chất mang tính cá nhân được SV đánh giá ở mức ít cần thiết.

4. Một số ý kiến về việc đào tạo giảng viên trẻ ở đại học sư phạm

Những ý kiến mang tính kinh nghiệm của chúng tôi dưới đây nhằm góp phần cùng nhà trường định hướng việc đào tạo, bồi dưỡng cho giảng viên trẻ ở đại học sư phạm.

4.1. Nhiệm vụ của một giảng viên

Khi nhận được quyết định công tác ở trường, chúng tôi được lãnh đạo trường lúc bấy giờ giao nhiệm vụ của một giảng viên là giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học. Hiện nay, chúng ta có thể thêm một nhiệm vụ nữa là rèn luyện để có thái độ đúng đắn với xã hội, nghề nghiệp và bản thân. Thoạt nghe qua, những nhiệm vụ này rất nhẹ nhàng vì chỉ có một nhiệm vụ mang tính ràng buộc pháp lý chặt chẽ – giảng dạy; còn ba nhiệm vụ còn lại gần

như là những nhiệm vụ mang tính tự giác cao. Tuy nhiên, theo thời gian, ba nhiệm vụ học tập, nghiên cứu khoa học và rèn luyện trở thành những nhiệm vụ mang tính thôi thúc nhiều hơn vì kết quả của việc thực hiện chúng thông qua tích lũy phải được thể hiện bằng các kết quả cụ thể. Muốn hoàn thành ba nhiệm vụ sau là việc làm khó khăn vì những nhiệm vụ này, ngoài công sức và tiền bạc còn cần nhiều thời gian. Thực ra, bốn nhiệm vụ trên có liên quan mật thiết với nhau vì học tập giúp cho giảng dạy tốt hơn; muốn giảng dạy tốt cần phải nghiên cứu khoa học và học tập; nghiên cứu khoa học giúp học tập và giảng dạy hiệu quả. Khi có thái độ đúng, người đó có điều kiện để thực hiện ba nhiệm vụ trên, vì suy cho cùng, tất cả mọi công việc đều được đặt trên mối quan hệ con người và con người. Để giảng viên trẻ hoàn thành những nhiệm vụ ấy, việc chung nhất là nhà trường giúp họ xác định được tư tưởng sau:

- Chọn nghề dạy học là một nghề cho bản thân và chấp nhận những khó khăn trong nghề nghiệp cũng như cuộc sống,

- Ý thức rằng nghề dạy học là một nghề cần phải học tập và rèn luyện liên tục vì SV luôn mong muốn học cái mới và cũng vì xã hội luôn luôn phát triển theo sự phát triển khoa học - kỹ thuật,

- Tin tưởng định hướng làm nghề dạy học của mình là đúng vì qua giảng dạy, bản thân có thể đóng góp một phần công sức cho đất nước, dân tộc.

Từ đó, nhà trường có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cho giảng viên trẻ những nội dung trên cơ sở thuyết “lấy người học

làm trung tâm”:

- Có các tiêu chuẩn lựa chọn giảng viên quan tâm đến thái độ và niềm tin phản ánh sự định hướng của giảng viên với những nhóm người học khác nhau;

- Chương trình đào tạo được đặt cơ sở trên những nguyên tắc giảng dạy lấy người học làm trung tâm trước hết trong chương trình đào tạo giảng viên;

- Tạo điều kiện cho giảng viên đề ra những chiến lược mới để đánh giá niềm tin và kinh nghiệm của họ một cách phê phán;

- Xây dựng các kinh nghiệm và các bài tập có liên quan với lớp học phức tạp và các vấn đề trong thực tế;

- Tạo cơ hội cho giảng viên có cơ hội giao lưu với bạn bè và những giảng viên có kinh nghiệm hơn để suy nghĩ về những kinh nghiệm và trong mỗi giao tiếp với người khác để thương lượng, chia sẻ và xây dựng ý nghĩa và sự hiểu biết;

- Đưa ra những chiến lược để thiết lập bầu không khí tích cực cho việc học tập và các phương pháp giảng viên có thể sử dụng nhằm nâng cao khả năng tư duy và trạng thái tích cực cũng như thay đổi cách tư duy không hiệu quả và trạng thái tiêu cực làm ngăn chặn việc học tập và giảng dạy trong giảng viên và người học;

- Giúp giảng viên thấy được thái độ và động cơ riêng của họ đối với việc giảng dạy và học tập có ảnh hưởng đến động cơ và việc học tập của người học trong lớp như thế nào;

- Cung cấp cơ sở tri thức về quá trình nhận thức, xúc cảm và động cơ ảnh hưởng đến học tập để giảng viên có thể

nâng cao quá trình tư duy bậc cao và học tập;

- Đưa những thông tin về các chiến lược nhận thức bậc cao tổng quát và theo lĩnh vực cụ thể và cách chúng được giảng dạy hiệu quả nhất cho người học khác nhau về khả năng và nền tảng;

- Khuyến khích giảng viên “suy nghĩ thành lời” trong khi giảng giải như là một phương pháp làm cho việc học và giải quyết vấn đề rõ ràng và chuyển đi, từ đó lập mô hình các chiến lược tư duy và giảng dạy cho người học;

- Cung cấp thông tin về các đặc điểm trí tuệ, xúc cảm, thể chất, xã hội, ngôn ngữ và văn hóa của người học ở các trình độ phát triển khác nhau cũng như những phương pháp đánh giá và thích ứng sự khác biệt phát triển và trí tuệ trong khả năng học tập;

- Giúp giảng viên ý thức nhiều hơn về: (i) nhu cầu liên quan nội dung và các quá trình đến môi trường văn hóa của người học, và (ii) sự khác biệt mà các nền văn hóa tác động mạnh mẽ trên sự thể hiện mang tính cộng đồng về việc trao đổi thông tin tự nguyện, đặt câu hỏi, nhờ giúp đỡ, thảo luận mối quan tâm cá nhân nơi công cộng, làm chủ của các giá trị văn hóa và những cản trở khác có khả năng làm phong phú lớp học khi được nhìn nhận hoặc dẫn đến sự hỗn độn và sự quy kết nhầm lẫn khi bị bỏ qua;

- Nhấn mạnh các cách thức chủ động đưa người học vào quá trình học tập và làm rõ ràng tài liệu hoặc các giải pháp từ chính SV một cách ủng hộ và kích thích tư duy sáng tạo của người học;

- Tập trung vào các chiến lược chấn

đoán và khuyến khích người học sử dụng các quá trình động cơ tự định hướng và học tập;

- Giúp giảng viên hiểu cách từng người học học tập tốt nhất và liên hệ nội dung môn học đang được giảng dạy với hứng thú của từng người học bằng cách kích thích tính tò mò và hứng thú bẩm sinh với học tập của người học;

- Đưa ra thông tin về cách gắn sự thích thú và hứng thú bên trong với học tập và sự tự ý thức, mối quan tâm về hình ảnh riêng hoặc nhu cầu tự chứng tỏ và không dựa vào sự khen thưởng bên ngoài của người học làm xói mòn hứng thú học tập tự nhiên;

- Giúp giảng viên hiểu cách chứng tỏ liên tục sự tôn trọng và chăm sóc đối với người học trong lớp, trong khi vẫn duy trì một lớp học có tổ chức một cách thông cảm (khác với lối độc đoán);

- Đưa ra những chiến lược để lựa chọn chương trình học tạo ra mức độ phức tạp và đúng đắn về mặt nhận thức, phù hợp với người học ở các mức độ khả năng và phát triển khác nhau và từ những nhóm văn hóa khác nhau;

- Đưa ra những chiến lược để làm việc chặt chẽ với gia đình và các loại văn hóa phụ trong việc giúp người học học tập;

- Đưa việc huấn luyện quản lý stress nhân mạnh trên các nguyên tắc của mối quan hệ trí tuệ - xúc cảm - hành vi và cách tạo ra bầu không khí ủng hộ mang tính cảm xúc xã hội;

- Đưa việc chú ý đến “việc tự chăm sóc và tự đổi mới” cá nhân như là phương cách cho giảng viên để tránh việc

cạn kiệt sức lực cũng như lập mô hình những chiến lược cho người học;

- Tập trung vào việc giúp giảng viên học cách nhận trách nhiệm ngày càng nhiều đối với những nhu cầu nghề nghiệp và cá nhân như là phương pháp củng cố lòng yêu nghề dạy học;

- Giúp giảng viên thấy được mối quan hệ giữa tâm lý học học tập và tâm lý học của sự thay đổi cũng như vai trò lãnh đạo của họ trong việc tạo ra hệ thống giáo dục như là cộng đồng học tập dành cho việc học tập suốt đời, việc lượng giá, đánh giá giảng dạy tiếp tục và sự cải tiến liên tục.

4.2. Nội dung đề xuất về kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cho giảng viên trẻ

- *Tạo điều kiện cho giảng viên trẻ học tập, đạt trình độ cao hơn*

Một trong những việc làm thiết thực nhất trong việc bồi dưỡng giảng viên trẻ của các trường sư phạm trong những năm vừa qua là quy định rõ thời gian yêu cầu những giảng viên trẻ (được giữ lại trường) hoàn thành bậc học cao hơn trong lĩnh vực chuyên môn của mình. Đây là một việc làm có lợi cho chính bản thân giảng viên trẻ vì họ biết hướng đi trong chuyên môn. Đây là quy định mang tính pháp lý, dễ dàng thực hiện với những giảng viên trẻ vì họ là những người có khả năng. Điều mong muốn cao hơn là thông qua quy định này, nhà trường cần có biện pháp kích thích lòng say mê học tập suốt đời của lớp giảng viên trẻ.

Ngoài việc học tập để nâng cao trình độ chuyên môn, giảng viên trẻ cũng cần phải nâng cao trình độ ngoại ngữ và

học thêm về công nghệ thông tin. Có lẽ, chúng ta không cần bàn thêm về sự cần thiết của hai môn học này. Điểm cần nhấn mạnh ở đây là làm thế nào để giảng viên trẻ đạt được trình độ ngoại ngữ và công nghệ trong thời gian ngắn và sử dụng chúng như những công cụ trong học tập và nghiên cứu.

Có lẽ việc học công nghệ thông tin ở trình độ căn bản thì tương đối dễ thực hiện đối với giảng viên trẻ hơn là học ngoại ngữ, bởi học ngoại ngữ cần thời gian dài. Trong những năm gần đây, một số trường đã tổ chức nhiều lớp ngoại ngữ ở nhiều trình độ cho giảng viên, nhưng thường rơi vào tình trạng ghi danh thì đông, ban đầu có nhiều người học, càng về sau lớp học càng vắng, cuối cùng thì khóa học không thể tiếp tục, do đó hiệu quả không cao. Một trong những lí do không thành công có lẽ do sức ép trong công việc thường ngày của giảng viên và do khung thời gian ngắn. Một giải pháp cho việc học ngoại ngữ là nhà trường tổ chức những lớp chuyên tu như trong thời bao cấp: Giảng viên được giao cho nhiệm vụ chỉ học ngoại ngữ trong một thời gian cần thiết và báo cáo kết quả vào cuối khóa học.

- *Nâng cao tay nghề giảng dạy cho giảng viên trẻ*

Giảng viên trẻ được học các môn Tâm lí học, Giáo dục học ở các trường đại học và bồi dưỡng môn Lí luận dạy học đại học ở các trường đại học sư phạm. Theo ý kiến của chúng tôi, điều này cần thiết nhưng chưa đủ, vì qua thăm dò ý kiến, những giáo viên tốt nghiệp từ các trường đại học tiếp tục học để nâng

cao trình độ còn bộc lộ những thiếu sót mang tính nghề dạy học và giáo dục nhiều hơn là những thiếu sót về mặt tri thức chuyên môn.

Xu hướng mới của giáo dục hiện nay là người dạy tạo điều kiện để người học phát triển khả năng của mình tối đa, nhưng khi hỏi giáo viên hiểu biết gì về người học, hầu như họ không biết! Một điều đơn giản hơn, khi được hỏi: Các anh/chị có được dạy cách cho điểm, đánh giá người học của mình hay không? Các giáo viên ấy trả lời là “không”. Ở đây, chúng tôi không đổ lỗi cho các giảng viên dạy những môn nghiệp vụ trong trường, nhưng điều này bộc lộ một thiếu sót trong chương trình đào tạo của trường đại học là chưa đưa những môn học mang tính ứng dụng của Tâm lí học và Giáo dục học vào chương trình đào tạo. Hiện nay, việc giảng dạy đại trà các môn học mang tính ứng dụng của Tâm lí học và Giáo dục học là chưa thực hiện được; do đó, các trường cần có kế hoạch bồi dưỡng cho giảng viên trẻ những bộ môn Tâm lí học và Giáo dục học ứng dụng để trong giảng dạy và giáo dục, họ ý thức được những tri thức và kĩ năng nghiệp vụ nào cần thiết cho SV và chính những giảng viên trẻ này sẽ là lực lượng nòng cốt để phát triển những bộ môn này.

- *Nâng cao trình độ nghiên cứu khoa học cho giảng viên trẻ*

Trên cơ sở những tri thức và kĩ năng nghiên cứu đã được học ở đại học, giảng viên trẻ cần được bồi dưỡng một cách hệ thống về nghiên cứu khoa học. Trong thực tế, có nhiều mức độ nghiên cứu khoa học, nhưng trình độ theo yêu

cầu của đại học đối với một giảng viên là ở mức độ cao, vì đây là một hoạt động hỗ trợ đắc lực cho giảng dạy, học tập và rèn luyện. Thông qua hoạt động nghiên cứu khoa học, khả năng tư duy của giảng viên trẻ được nâng cao, phương pháp làm việc và học tập có hiệu quả hơn. Để đạt được trình độ cao trong nghiên cứu khoa học, nhà trường cần bồi dưỡng cho giảng viên trẻ bốn bộ môn: Phương pháp nghiên cứu khoa học, Thống kê ứng dụng trong nghiên cứu, Phương pháp xây dựng và sử dụng dụng cụ nghiên cứu, Phương pháp chọn mẫu. Bốn bộ môn này cần thiết cho hoạt động nghiên cứu khoa học trong hầu hết các lĩnh vực.

- *Tạo điều kiện cho giảng viên trẻ rèn luyện thái độ đúng*

Thái độ của một giảng viên gồm: thái độ đối với tổ quốc, dân tộc; thái độ đối với chế độ; thái độ đối với xã hội; thái độ đối với nghề nghiệp; thái độ đối với người khác; và thái độ đối với bản thân.

Có thể nói, khi xem xét kỹ quá trình đào tạo của các trường đại học, ngoài việc rèn luyện “Thái độ đối với đất nước và xã hội”, chúng ta chưa dành thời gian thích đáng cho việc rèn luyện thái độ đúng cho SV về các mặt khác vì rèn luyện thái độ không phải là những bài học được tiếp thu qua con đường tri thức, mà là những thứ tiếp thu bằng tình cảm. Mặc dù điều thuận lợi là chúng ta có nền tảng vững chắc của giáo dục gia đình, của xã hội và của các đoàn thể quần

chúng và các tác động tích cực của môi trường đại học; do đó, việc rèn luyện thái độ cũng đạt những kết quả khích lệ, nhưng việc giáo dục rèn luyện thái độ cho giảng viên trẻ có hệ thống là một việc cần thiết.

Nói tóm lại, kết quả đào tạo và rèn luyện giảng viên trẻ là việc làm đòi hỏi công sức, thời gian và tiền bạc của cả nhà trường lẫn giảng viên trẻ. Đây là một việc làm cần sự phối hợp của cả hai phía (nhà trường và giảng viên trẻ) thì mới đạt hiệu quả cao. Đây cũng là nhiệm vụ của nhà trường và giảng viên trẻ đối với đất nước và nhân dân.

Một điều cần nói thêm là do việc đào tạo rèn luyện rất khó khăn, phức tạp nên các trường đại học cũng cần có những quy định giúp việc sử dụng giảng viên trẻ đạt hiệu quả cao nhất, không nên để giảng viên trẻ xem đại học là nơi tạm dừng chân để nâng cao trình độ ở một giai đoạn nhất định của cuộc đời.

5. Kết luận

Việc đào tạo, bồi dưỡng nghề dạy học cho giảng viên trẻ tại các trường sư phạm là cần thiết vì nơi đây đào tạo giáo viên giảng dạy ở tất cả các trường phổ thông. Khi chúng ta có một đội ngũ giảng viên trẻ vững về chính trị, giỏi về chuyên môn, thành thạo nghiệp vụ, có thái độ đúng đắn đối với xã hội, cộng đồng, gia đình và bản thân thì những học sinh được đào tạo ở trường phổ thông sẽ vừa hồng vừa chuyên.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Văn Hồng và cộng sự (1995), *Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm*, Hà Nội.
2. Lưu Xuân Mới (2000), *Lí luận dạy học đại học*, Nxb Giáo dục.
3. Joanne Brown (1992), *The Definition of a Profession: the Authority of Metaphor in the History of Intelligence Testing, 1890-1930*, Princeton, NJ: Princeton University Press, p.19
4. Goldhaber, Dan - Anthony, Emily. (2003), *Indicators of Teacher Quality*. ERIC Clearinghouse on Urban Education New York NY.
5. Kenneth T. Henson & Ben F. Eller (1999), *Educational Psychology for Effective Teaching*. Belmont, CA: Wadsworth Publishing Company.
6. J. A. Jackson (2010), *Professions and Professionalization: Volume 3, Sociological Studies*, Cambridge: Cambridge University Press, pp.23-24.
7. Magali Sarfatti Larson (1978), *The Rise of Professionalism: a Sociological Analysis*, Berkeley, California: University of California Press, p.208.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 16-12-2014; ngày phản biện đánh giá: 04-02-2015;
ngày chấp nhận đăng: 25-8-2015)